

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HS-ST

Ngày: 31-12- 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Phú và ông Nguyễn Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh S, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2000; tại: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lái máy; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Á và bà Phan Thị D; vợ Tạ Thị Hoài N và 01 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 28/6/2020 chuyển tạm giam. Ngày 30/7/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Mạnh C, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1995; tại: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lái máy; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Cao Thị H; vợ Trần Thị Thanh V; con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/6/2020 đến ngày 28/6/2020 chuyển tạm giam. Ngày 25/7/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 40 phút ngày 22/6/2020, Công an huyện Quảng Trạch phối hợp với Công an xã Quảng Phú tiến hành tuần tra, phát hiện và thu giữ tại vị trí túi quần phía trước bên phải mà Trần Mạnh C đang mặc có 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa 08 viên nén màu hồng dạng thuốc tân dược, C khai nhận đó là ma túy loại hồng phiến. Lực lượng Công an huyện Quảng Trạch đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ niêm phong tang vật theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, Trần Mạnh C khai nhận: Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 22/6/2020, Nguyễn Thanh S gọi cho C và nói với C: “Tới nhà đi, tau trả nợ” (vì trước đó S đã mượn C số tiền 1.000.000 đồng), nghe vậy C đồng ý. Khi đến nhà, S rủ C xuống tầng hầm nhà mình lấy ra 01 viên nén màu hồng là ma túy loại hồng phiến rồi nói với C: “Làm tí đã rồi về”, có nghĩa là cùng nhau sử dụng ma túy, nghe vậy C đồng ý và cùng S sử dụng ma túy. Sau khi sử dụng ma túy xong, S nói: “Bây giờ không còn tiền mặt nữa” và đưa cho C 01 gói nilon màu trắng, bên trong có chứa 08 viên nén màu hồng là ma túy loại hồng phiến rồi nói tiếp: “Mi cầm số ma túy này vào trạm thu phí giao cho thằng nó rồi lấy tiền mà về”. C đồng ý rồi lấy số ma túy trên bỏ vào túi quần trước bên phải điều khiển xe máy vào khu vực Trạm thu phí xã Quảng Phú. Khi C đang tìm người để giao ma túy thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, lập biên bản thu giữ và niêm phong số ma túy trên.

Nguyễn Thanh S khai nhận: Vào ngày 12 tháng 6 năm 2020, S mua ma túy của một người lạ mặt không rõ tên tuổi, địa chỉ ở gần khu vực bến xe Nam Lý thuộc Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, số lượng là 600 viên ma túy loại hồng phiến, với số tiền là 18.000.000 đồng. Sau khi mua ma túy về S đem số ma túy trên về cất giữ tại trong nhà ở của mình với mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Đến ngày 14/6/2020, Nguyễn Thanh S cần tiền để tiêu xài cá nhân nên đã bán cho một người lạ mặt không rõ tên tuổi, địa chỉ ở khu vực hầm Đèo Ngang thuộc xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch với 500 viên ma túy loại hồng phiến có giá 20.000.000 đồng và vài ngày sau đó (không nhớ rõ cụ thể) khi đi xuống gần khu vực Cảng cá Hòn La thì S đã bán 06 viên ma túy loại hồng phiến với giá 500.000 đồng cho một nam giới lạ mặt, không rõ tên tuổi, địa chỉ. Số tiền bán ma túy thu được S đã tiêu xài vào mục đích cá nhân hết. Vào khoảng 17 giờ ngày 22/6/2020, khi đang ngồi sử dụng ma túy với C tại tầng hầm nhà ở của mình thì S nhận được cuộc gọi của một người không rõ tên tuổi hỏi mua ma túy với số lượng 700.000 đồng, S liền đồng ý bán. Vì không có tiền mặt để trả nợ, sẵn có người liên lạc hỏi mua ma túy nên S lấy 01 túi nilon màu trắng bên trong có 08 viên nén màu hồng loại hồng phiến là ma túy đưa cho C nói: “Mi cầm số ma túy này vào trạm thu phí giao cho thằng nó rồi lấy tiền mà về” (có nghĩa mang vào

bán, rồi cầm số tiền bán ma túy coi như trả nợ), lúc đó C liền đồng ý mang số ma túy trên đi bán thì bị bắt giữ. Nguyễn Thanh S sau đó đã tự nguyện giao nộp 01 hộp carton màu đỏ cam, bên ngoài có chữ Serumhaplus, bên trong có 01 túi nilon màu xanh, kích thước 9cm x 7cm, có chứa 41 viên nén màu hồng và 01 viên nén màu xanh dạng thuốc tân dược. Số ma túy này, S khai mục đích để bán kiếm tiền tiêu xài.

Tại Bản kết luận giám định số 961/GĐ-PC09 ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận: Mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine khối lượng 0,807g (không phải tám trăm linh bảy gam); Mẫu ký hiệu A2A gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine khối lượng 4,073g (bốn phẩy không trăm bảy mươi ba gam); Mẫu ký hiệu A2B gửi giám định không phải là chất ma túy, khối lượng 0,095g (không phải không trăm chín mươi lăm gam). Tổng khối lượng ma túy loại Methamphetamine là 4,88g (bốn phẩy tám mươi tám gam).

Quá trình điều tra không đủ căn cứ để xác minh, làm rõ người bán ma túy ở bến xe Nam Lý, người mua ma túy ở hầm Đèo Ngang và ở khu vực Cảng cá Hòn La là ai, ở đâu. Cho nên không có cơ sở để chứng minh số lượng ma túy và nguồn tiền thu được do bán ma túy kiếm lời của Nguyễn Thanh S cũng như đề xuất xử lý các đối tượng mua bán có liên quan.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Trạch đã thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha jupiter, màu đen, BKS: 73P2-0310, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 (một) phong bì thư số 961/GĐ-PC09 đã được niêm phong, dán kín, bên trong chứa chất ma túy là mẫu vật sau giám định mẫu ký hiệu A1; 01 (một) phong bì thư số 961/GĐ-PC09 đã được niêm phong, dán kín, bên trong chứa chất ma túy là mẫu vật sau giám định mẫu ký hiệu A2A và A2B; 01 (một) hộp Carton màu đỏ cam, bên ngoài có dòng chữ SERUM HA PLUS, đã qua sử dụng.

Xác định chiếc xe mô tô là của anh Phạm Văn T, việc Trần Mạnh C mượn xe đi làm sau đó dùng xe làm phương tiện đi bán ma túy anh Thanh không biết nên ngày 28/8/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Trạch đã xử lý trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại Jupiter, có màu S đen, BKS: 73P2-0310, xe đã qua sử dụng cho chủ sở hữu là anh Phạm Văn T. Số vật chứng còn lại được chuyển xử lý theo thẩm quyền:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng Gold của Nguyễn Thanh S sử dụng. S khai nhận trong quá trình đi tắm đã làm rơi chiếc điện thoại trên vào chậu nước, bị hư hỏng nên đã đem vứt ở hồ Đồng Mười thuộc xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch. Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A20, màn hình cảm ứng màu đen, viền và lưng máy màu xám, trên bề mặt có nhiều vết xước của Trần Mạnh C sử dụng. C khai nhận trong quá trình mang 08 viên ma túy đi bán từ nhà S đến khu vực trạm thu phí xã

Quảng Phú thì chiếc điện thoại có đặc điểm trên bị rơi mất trong khi di chuyển. Cơ quan CSĐT đã tiến hành truy tìm vật chứng trên nhưng không có kết quả.

Tại Cáo trạng số 48/CT-VKSQT ngày 30 tháng 9 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh S và Trần Mạnh C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng, có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thanh S; căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Mạnh C; căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về tội danh: tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh S và Trần Mạnh C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; về hình phạt: xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S từ 25 tháng tù đến 27 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/6/2020 đến ngày 30/7/2020; xử phạt bị cáo Trần Mạnh C từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/7/2020; về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: tịch thu tiêu hủy đối với 01 (một) phong bì thư số 961/GĐ-PC09 đã được niêm phong, mẫu ký hiệu A1; 01 (một) phong bì thư số 961/GĐ-PC09 đã được niêm phong, mẫu ký hiệu A2A và A2B; 01 (một) hộp Carton; về án phí: buộc các bị cáo Nguyễn Thanh S và Trần Mạnh C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm đề nộp vào ngân sách nhà nước.

Các bị cáo nhất trí với nội dung bản cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và hứa sẽ không bao giờ tái phạm. Vì vậy, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, xử phạt các bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thanh S và Trần Mạnh C đã thừa nhận và thống nhất khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy mà các bị cáo đã thực hiện. Bị cáo S sau khi đã thỏa thuận được việc mua bán ma túy với đối tượng có nhu cầu đã lấy 01 túi nilon chứa 08 viên hồng phiến (ma túy) đưa cho C nhằm mục đích để C đi giao số ma túy trên. C sau khi tiếp nhận thông tin đã đồng thuận ý chí, trực tiếp mang số ma túy trên đi bán theo như hướng dẫn của S. Trong khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị bắt giữ. Sau khi khám xét nhà của S, S đã khai báo và tự nguyện giao nộp số hồng phiến (ma túy) còn lại. Xét thấy, lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn thống nhất, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với vật chứng thu giữ được; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Chất ma túy mà các bị cáo mua bán theo kết luận giám định là Methamphetamine, có tổng khối lượng 4,88g. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận, các bị cáo Nguyễn Thanh S và Trần Mạnh C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và gây nên sự bức xúc, bất bình trong quần chúng nhân dân. Theo quy định tại Danh mục II, ban hành kèm theo Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ thì Methamphetamine là một trong những chất ma túy được dùng hạn chế trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế do Nhà nước trực tiếp quản lý, do vậy mọi hành vi sản xuất, mua bán, vận chuyển hay tàng trữ trái phép chất ma túy này đều phải bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo nhận thức được rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, gây tác hại, hệ lụy nguy hiểm cho xã hội và bị lên án mạnh mẽ nhưng vì muốn thỏa mãn mục đích bản thân, vì háms lợi mà các bị cáo đã coi thường pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần quyết định một hình phạt tương xứng đối với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, hậu quả mà các bị cáo đã gây ra. Nhằm để răn đe, giáo dục các bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật và quy tắc của cuộc sống, đồng thời phòng ngừa và đấu tranh phòng chống tội phạm trong xã hội, giữ gìn trật tự công cộng.

[4] Xét tính đồng phạm, vị trí, vai trò của mỗi bị cáo thấy rằng: Trong hai bị cáo thì Nguyễn Thanh S là người có vị trí, vai trò quan trọng nhất, trực tiếp mua ma túy về, đồng thời cung cấp ma túy, thỏa thuận việc mua bán và hướng dẫn bị cáo C thực hiện hành vi mua bán ma túy cho người có nhu cầu. Ngoài số lượng ma túy mà S đưa cho C đi giao bán thì bị cáo còn tàng trữ một lượng ma túy khác để bán kiếm lời. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm chính với tổng khối lượng ma túy theo kết luận giám định là 4,88g (bốn phẩy tám mươi tám gam); bị cáo phải chịu hình phạt cao hơn so với bị cáo C. Bị cáo Trần Mạnh C là

đồng phạm đối với khối lượng ma túy đi giao bán được giám định là 0,807g (không phải tám trăm linh bảy gam). Sau khi có sự hướng dẫn của S, C đã không từ chối mà tiếp nhận, đồng thuận, thống nhất ý chí, cố ý thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp đi giao ma túy theo hướng dẫn của S. Vì vậy, đối với bị cáo cũng cần phải bị xử lý nghiêm, với hình phạt tương xứng, phù hợp.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, nhân thân của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng và đều có nhân thân tốt.

[6] Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được việc làm sai trái của mình để có hướng khắc phục, sửa chữa lỗi lầm; tích cực giúp đỡ, hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, được áp dụng cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[7] Đối với người bán ma túy ở bến xe Nam Lý, người mua ma túy ở hầm Đèo Ngang và ở khu vực Cảng cá Hòn La theo lời khai của S, cơ quan CSĐT đã điều tra đã điều tra, xác minh nhưng không xác định được là ai, làm gì, ở đâu. Vì vậy, không có cơ sở, căn cứ xử lý các đối tượng này.

[8] Xét quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên, mức đề xuất áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo S là thấp, chưa nghiêm.

[9] Từ những nhận định, đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc các bị cáo phải đi chấp hành hình phạt tại Trại giam, cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để có điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo tiên bộ. Bị cáo C chỉ thực hiện hành động phạm tội theo sự hướng dẫn của S và ngoài 08 viên ma túy mà S đưa cho C đi giao bán thì số lượng ma túy do S giao nộp lại C hoàn toàn không biết. Bị cáo C có vai trò không đáng kể, mục đích đi giao ma túy là để lấy số tiền nợ mà S đã nợ C trước đó; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên căn cứ Điều 54 của Bộ luật Hình sự, quyết định cho bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định, như vậy là phù hợp.

[10] Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Vật chứng của vụ án là xe mô tô nhãn hiệu Yamaha jupiter, BKS: 73P2-0310, đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định. Đến tại phiên tòa không ai có ý kiến, yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 (một) phong bì thư số 961/GĐ-PC09 đã được niêm phong, mẫu ký hiệu A1; 01 (một) phong bì thư số 961/GĐ-PC09 đã được niêm phong, mẫu

ký hiệu A2A và A2B; 01 (một) hộp Carton. Xác định, đây là vật chứng thuộc trường hợp vật cấm tàng trữ, cấm lưu hành và vật không có giá trị, không sử dụng được nên căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Nguyễn Thanh S và Trần Mạnh C phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thanh S;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Mạnh C;

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh S và Trần Mạnh C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 2 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/6/2020 đến ngày 30/7/2020. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Mạnh C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/6/2020 đến ngày 25/7/2020. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

3. Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy đối với 01 (một) phong bì thư số 961/GĐ-PC09 đã được niêm phong, mẫu ký hiệu A1; 01 (một) phong bì thư số 961/GĐ-PC09 đã được niêm phong, mẫu ký hiệu A2A và A2B; 01 (một) hộp Carton.

Vật chứng trên có các đặc điểm được mô tả cụ thể tại Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình ngày 01/10/2020.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh S và Trần Mạnh C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Quảng Trạch;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- THADS huyện Quảng Trạch;
- Bị cáo; NTGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực